

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THÁI BÌNH DƯƠNG

# CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THẠC SĨ

NGÀNH: LUẬT

## BẢN HỢP NHẤT

- Phiên bản CTĐT năm 2023: Quyết định 363/QĐ-ĐHTBD ngày 01/11/2023
- Điều chỉnh bổ sung năm 2025: Quyết định 181/QĐ-ĐHTBD ngày 14/08/2025

Khánh Hòa, 2025

# MỤC LỤC

<b>PHẦN 1. KHÁI QUÁT VỀ CHƯƠNG TRÌNH .....</b>	<b>1</b>
1.1. Giới thiệu về chương trình đào tạo .....	1
1.2. Thông tin chung về chương trình đào tạo.....	1
<b>PHẦN 2. CĂN CỨ XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH.....</b>	<b>2</b>
2.1. Tầm nhìn, sứ mệnh và giá trị cốt lõi của Trường .....	2
2.2. Triết lý giáo dục của Trường .....	2
2.3. Căn cứ pháp lý .....	3
2.4. Căn cứ thực tiễn.....	3
<b>PHẦN 3. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO, CHUẨN ĐẦU RA VÀ CƠ HỘI NGHỀ NGHIỆP .....</b>	<b>4</b>
3.1. Mục tiêu đào tạo .....	4
3.2. Chuẩn đầu ra.....	4
3.3. Cơ hội nghề nghiệp.....	5
<b>PHẦN 4. TUYỂN SINH, ĐÀO TẠO VÀ TỐT NGHIỆP .....</b>	<b>6</b>
4.1. Chuẩn đầu vào .....	6
4.2. Phương thức tuyển sinh .....	7
4.3. Tổ chức đào tạo .....	7
4.4. Điều kiện xét tốt nghiệp.....	11
<b>PHẦN 5. NỘI DUNG ĐÀO TẠO.....</b>	<b>12</b>
5.1. Cấu trúc chương trình.....	12
5.2. Danh mục môn học phân đợt.....	13
5.3. Danh mục các chuyên ngành .....	14
5.4. Hướng dẫn thực hiện chương trình.....	16
<b>PHẦN 6. MÔ TẢ MÔN HỌC .....</b>	<b>17</b>
6.1. Triết học.....	17
6.2. Phương pháp nghiên cứu luật học và giảng dạy pháp luật .....	17
6.3. Pháp luật và phát triển .....	17
6.4. Những vấn đề pháp lý nền tảng của luật tư .....	18
6.5. Những nguyên lý hiến pháp và nhà nước pháp quyền .....	18
6.6. Chuyên đề Tư pháp hình sự.....	19
6.7. Chuyên đề Tài phán hành chính .....	19
6.8. Chuyên đề Môi trường pháp lý kinh doanh.....	19
6.9. Chuyên đề Pháp luật hợp đồng.....	20
6.10. Kinh tế học pháp luật .....	20
6.11. Luật tố tụng dân sự so sánh .....	21
6.12. Quản trị tốt và phòng chống tham nhũng .....	21
6.13. Luận văn thạc sĩ.....	22
6.14. Thực tập tốt nghiệp.....	22
6.15. Đề án tốt nghiệp.....	22
<b>PHẦN 7. LỊCH SỬ XÂY DỰNG VÀ ĐIỀU CHỈNH CHƯƠNG TRÌNH .....</b>	<b>23</b>

# PHẦN 1. KHÁI QUÁT VỀ CHƯƠNG TRÌNH

## 1.1. Giới thiệu về chương trình đào tạo

- Chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Luật của Trường Đại học Thái Bình Dương hướng đến việc đào tạo cho xã hội những chuyên gia pháp lý vừa vững lý luận vừa giỏi vận dụng.

- Chương trình được xây dựng theo 02 định hướng tự chọn: Định hướng nghiên cứu và Định hướng ứng dụng. Tuy vậy, cho dù lựa chọn định hướng nào, việc dạy và học đều có sự cân đối tỷ lệ hợp lý giữa hai mục tiêu nghiên cứu và ứng dụng (trong định hướng nghiên cứu vẫn có một hàm lượng nhất định kỹ năng ứng dụng; và ngược lại, trong định hướng ứng dụng vẫn dành một thời lượng hợp lý cho hoạt động nghiên cứu).

- Chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Luật được xây dựng mang tính chất tổng hợp, áp dụng chung cho tất cả các chuyên môn Hình sự, Dân sự, Kinh tế, Hành chính và Nhà nước, mà không phân thành các chuyên ngành hẹp. Tuy vậy, một phiên bản các chuyên ngành hẹp vẫn được xây dựng trước nhằm (và chỉ) áp dụng cho các lớp đào tạo theo nhu cầu đặt hàng.

## 1.2. Thông tin chung về chương trình đào tạo

a) Cơ sở đào tạo và cấp bằng: Trường Đại học Thái Bình Dương

b) Đơn vị quản lý chuyên môn: Khoa Luật và Quản lý nhà nước

c) Ngành đào tạo

- Tên tiếng Việt : **Luật**
- Tên tiếng Anh : Law
- Trình độ đào tạo : Thạc sĩ
- Mã ngành cấp 4 : 8380101
- Tổng số tín chỉ : 60 tín chỉ
- Loại hình đào tạo : Chính quy hoặc Vừa làm vừa học
- Thời gian đào tạo : 18 tháng (CQ) hoặc 22 tháng (VLVH)

b) Chuyên ngành

Mã chuyên ngành cấp 5	Tên chuyên ngành		Áp dụng
	Tiếng Việt	Tiếng Anh	
8380101.01	<b>Luật và phát triển</b>	<b>Law and Development</b>	Lớp đại trà
8380101.02	Pháp luật và kinh doanh ngân hàng	Law and Banking Business	Lớp chỉ mở theo nhu cầu đặt hàng
8380101.03	Luật và quản trị địa phương	Law and Local Governance	
8380101.04	Giáo dục pháp luật và kinh tế	Teaching Law and Economics	
8380101.05	Luật biển và công pháp quốc tế	Law of the Sea and Public International Law	
8380101.06	Tư pháp hình sự và tội phạm học	Criminal Law and Criminology	
8380101.07	<i>Pháp luật và kinh doanh BĐS</i>	<i>Law and Real Estate Business</i>	Lớp CLC
8380101.08	<i>Quản trị công và phát triển bền vững</i>	<i>Public Governance and Sustainable Development</i>	

## PHẦN 2. CĂN CỨ XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH

### 2.1. Tầm nhìn, sứ mệnh và giá trị cốt lõi của Trường

a) **Tầm nhìn:** Đại học Thái Bình Dương là đại học miền duyên hải có uy tín, có khả năng quy tụ giảng viên xuất sắc và sinh viên triển vọng với môi trường giáo dục liên chính, chuẩn mực quốc tế.

b) **Sứ mệnh:** Đại học Thái Bình Dương truyền thụ và phát triển tri thức nhằm đào tạo người học có năng lực tự chủ trong cuộc sống và nghề nghiệp, thích ứng với môi trường kinh tế, xã hội, công nghệ toàn cầu và trở thành công dân hữu ích, hạnh phúc, đóng góp tích cực vào sự phát triển bền vững của địa phương và xã hội.

c) **Giá trị cốt lõi:** Trong mọi quyết định hành động của mình, tập thể sư phạm và sinh viên trường Đại học Thái Bình Dương cam kết theo đuổi các giá trị cốt lõi sau đây:

GIÁ TRỊ	ĐẢM BẢO
Chính trực	Thực hành sự tử tế và sự trung thực trong lời nói và hành động
Tự do học thuật	Ứng hộ việc mở rộng phạm vi tìm hiểu và nghiên cứu
Tôn trọng sự khác biệt	Ứng hộ sự khác biệt trên cơ sở tôn trọng sự thực, phẩm cách, lễ phải, công bằng và đạo lý
Trách nhiệm	Tự khẳng định trách nhiệm cá nhân trước mỗi chọn lựa, quyết định hành động
Cách tân	Ứng hộ giải pháp sáng tạo
Hài hòa	Cân nhắc đủ các thành tố cần thiết trong việc ra quyết định hành động

### 2.2. Triết lý giáo dục của Trường

#### “THỰC HỌC – TOÀN DIỆN – TRAO QUYỀN – TƯƠNG TÁC – THẤU CẢM”

a) **Thực học:** Sinh viên được trải nghiệm thực tế như một phần cốt lõi của chương trình học như làm dự án thật từ doanh nghiệp, học qua nghiên cứu trường hợp thực tế, kết nối với chuyên gia nghề nghiệp, trong các không gian thực hành đa dạng.

b) **Toàn diện:** Sinh viên phát triển năng lực toàn diện được tích hợp vào từng môn học: Từ tư duy phân tích, phản biện, sáng tạo đến giao tiếp, thuyết trình và truyền thông; Từ thông minh cảm xúc đến trách nhiệm cá nhân và dân thân xã hội.

c) **Trao quyền:** Sinh viên làm chủ quá trình học tập, được đối xử như những cá nhân trưởng thành, được phản hồi thường xuyên từ giảng viên và chuyên gia. Môi trường học tập dân chủ giúp sinh viên phát huy sức mạnh bản thân, tạo sức bật độc đáo cho từng cá nhân.

d) **Tương tác:** Sinh viên tương tác thường xuyên và có ý nghĩa với giảng viên, người cùng học, lãnh đạo trường, cựu sinh viên, với các cá nhân và tổ chức để việc học hiệu quả và hứng khởi. Tương tác giúp sinh viên xây dựng cho mình một mạng lưới các kết nối hữu ích cho cuộc sống và công việc ngay từ khi còn đi học.

e) **Thấu cảm:** Sinh viên phát triển lòng thấu cảm vừa thông qua nhận thức cảm xúc của bản thân và người khác, vừa thông qua thực hành sống tử tế và nhân ái.

### **2.3. Căn cứ pháp lý**

#### **a) Văn bản pháp luật của nhà nước**

- Luật Giáo dục đại học năm 2012, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học năm 2018;

- Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam;

- Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về Chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

- Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định điều kiện, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo;

- Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học;

- Thông tư 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/08/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ.

#### **b) Văn bản của Trường Đại học Thái Bình Dương**

- Nghị quyết số 04/NQ-ĐHTBD-HĐQT ngày 20/11/2019 của Trường Đại học Thái Bình Dương Ban hành chiến lược phát triển trường giai đoạn 2020-2025, tầm nhìn 2030 (bao gồm sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi, triết lý giáo dục); được ban hành lại theo Nghị quyết số 27/NQ-ĐHTBD-HNNĐT ngày 26/04/2023 của Hội đồng trường.

- Quyết định số 188/QĐ-ĐHTBD ngày 09/8/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thái Bình Dương Ban hành Quy trình về xây dựng, thẩm định, ban hành, rà soát, đánh giá, cập nhật chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

- Quyết định số 246/QĐ-ĐHTBD ngày 18/07/2023 của Hiệu trưởng ban hành Quy chế tuyển sinh, tổ chức và quản lý đào tạo trình độ thạc sĩ tại Trường Đại học Thái Bình Dương.

### **2.4. Căn cứ thực tiễn**

- Tham khảo Chương trình đào tạo khối ngành Luật của Trường Đại học Luật (ĐHQGHN), Trường Đại học Kinh tế - Luật (ĐHQG TP.HCM), Trường Đại học Kinh tế TP.HCM.

- Nhận định nhu cầu xã hội từ Nghị quyết số 55/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc hội khóa 15 về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Khánh Hòa.

- Tổng hợp kết quả khảo sát nhu cầu xã hội, sinh viên năm cuối và cựu sinh viên (trong tờ trình xin chủ trương mở ngành).

- Đúc kết ý kiến thảo luận của giảng viên (Biên bản họp Khoa ngày 07/07/2023).

## PHẦN 3. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO, CHUẨN ĐẦU RA VÀ CƠ HỘI NGHỀ NGHIỆP

### 3.1. Mục tiêu đào tạo

#### a) Mục tiêu chung

Chương trình nhằm đào tạo các Thạc sĩ Luật (LL.M) có khả năng nghiên cứu và vận dụng pháp luật hiệu quả; xây dựng kỹ năng và chuyên môn vững chắc cho các nhà nghề luật chuyên nghiệp; và/hoặc hình thành năng lực tư duy pháp lý hữu hiệu cho công tác quản trị doanh nghiệp và quản lý nhà nước trong bối cảnh hội nhập.

#### b) Mục tiêu cụ thể

- Có khả năng tìm hiểu / nghiên cứu luật một cách độc lập và hiệu quả.
- Có khả năng vận dụng chuyên môn luật hữu hiệu vào việc hành nghề luật.
- Có khả năng tư duy pháp lý hỗ trợ hiệu quả cho công tác chuyên môn.
- Có khả năng học hỏi và thích nghi với sự thay đổi của môi trường pháp lý, hoặc sự thay đổi về độ chênh giữa quy định pháp luật và thực tiễn xã hội.

### 3.2. Chuẩn đầu ra

Học viên sau khi hoàn thành chương trình đào tạo thạc sĩ luật có khả năng:

Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra
PL01	Nhận diện, phán đoán được các vấn đề pháp lý đối với vụ việc cụ thể hoặc đối với hiện trạng hoạt động của một quy trình, một tổ chức (bloom 6)
PL02	Phân tích và đánh giá được thông tin pháp luật thực định có liên quan để giải quyết các vấn đề pháp lý (bloom 4-6)
PL03	Cấu trúc và khái quát hoá được các văn bản mang tính quy phạm, văn bản tư vấn pháp lý cho thân chủ độc lập hoặc phục vụ cho công tác quản lý nội bộ (bloom 5)
PL04	Phản biện, biện luận được các vấn đề pháp lý với kinh tế, xã hội và môi trường trong quá trình ra quyết định (bloom 6)
PL05	Đánh giá và thích nghi được (thông qua khả năng tự học hỏi) với sự biến đổi của xã hội nói chung và của pháp luật nói riêng (bloom 6)
PL06	<ul style="list-style-type: none"><li>- <i>Đối với CTĐT định hướng nghiên cứu:</i> Có khả năng nghiên cứu khoa học pháp lý từ góc độ lý luận, cũng như đánh giá được các hậu quả pháp lý và hệ quả xã hội đối với các phương án hoạt động (và vận dụng pháp luật) khác nhau (bloom 6)</li><li>- <i>Đối với CTĐT định hướng ứng dụng:</i> Có khả năng ứng dụng pháp luật vào việc đánh giá, so sánh các hậu quả pháp lý và hệ quả xã hội đối với các phương án hoạt động (và vận dụng pháp luật) khác nhau (bloom 6)</li></ul>

Đối sánh CDR của chương trình đào tạo với chuẩn đầu ra trình độ thạc sỹ theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam thể hiện trong bảng sau.

<b>Mã CDR</b>	<b>Nội dung chuẩn đầu ra</b>	<b>Kiến thức</b>	<b>Kỹ năng</b>	<b>Mức tự chủ và trách nhiệm</b>
<b>PL01</b>	Phán đoán được các vấn đề pháp lý đối với vụ việc cụ thể hoặc đối với hiện trạng hoạt động của một quy trình, một tổ chức (bloom 6)	- Kiến thức thực tế và lý thuyết sâu, rộng, tiên tiến, nắm vững các nguyên lý và học thuyết cơ bản trong lĩnh vực nghiên cứu thuộc chuyên ngành đào tạo.	- Kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin để đưa ra giải pháp xử lý các vấn đề một cách khoa học. - Có kỹ năng truyền đạt tri thức dựa trên nghiên cứu, thảo luận các vấn đề chuyên môn và khoa học với người cùng ngành và với những người khác.	- Quản lý, đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn.
<b>PL02</b>	Phân tích và đánh giá được thông tin pháp luật thực định có liên quan để giải quyết các vấn đề pháp lý (bloom 4-6)			
<b>PL03</b>	Cấu trúc và khái quát hoá được các văn bản mang tính quy phạm, văn bản tư vấn pháp lý cho thân chủ độc lập hoặc phục vụ cho công tác quản lý nội bộ (bloom 5)	- Kiến thức chung về quản trị và quản lý.	- Kỹ năng tổ chức, quản trị và quản lý các hoạt động nghề nghiệp tiên tiến.	
<b>PL04</b>	Biện luận được các vấn đề pháp lý với kinh tế, xã hội và môi trường trong quá trình ra quyết định (bloom 6)	- Kiến thức liên ngành có liên quan. - Kiến thức chung về quản trị và quản lý.	- Kỹ năng tổ chức, quản trị và quản lý các hoạt động nghề nghiệp tiên tiến.	- Nghiên cứu, đưa ra những sáng kiến quan trọng.
<b>PL05</b>	Đánh giá và thích nghi được (thông qua khả năng tự học hỏi) với sự biến đổi của xã hội nói chung và của pháp luật nói riêng (bloom 6)	- Kiến thức thực tế và lý thuyết sâu, rộng, tiên tiến, nắm vững các nguyên lý và học thuyết cơ bản trong lĩnh vực nghiên cứu thuộc chuyên ngành đào tạo.	- Kỹ năng nghiên cứu phát triển và sử dụng các công nghệ một cách sáng tạo trong lĩnh vực học thuật và nghề nghiệp. - Có trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam.	- Quản lý, đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn. - Quản lý, đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn. - Thích nghi, tự định hướng và hướng dẫn người khác.
<b>PL06</b>	Đánh giá, so sánh được các hậu quả pháp lý và hệ quả xã hội (tổ chức) đối với các phương án hoạt động (và vận dụng pháp luật) khác nhau (bloom 5)	- Kiến thức chung về quản trị và quản lý.	- Kỹ năng tổ chức, quản trị và quản lý các hoạt động nghề nghiệp tiên tiến.	- Quản lý, đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn.

### 3.3. Cơ hội nghề nghiệp

- Nâng cao năng lực hành nghề trong các chức danh nghề luật chuyên nghiệp.
- Công chức, viên chức quản lý trong hệ thống các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp.
- Giảng viên, nghiên cứu viên trong các trường, viện nghiên cứu.
- Tham gia làm việc tại các NGOs, tổ chức quốc tế, doanh nghiệp nước ngoài.
- Khởi nghiệp nghề luật khi hội tụ đủ các điều kiện hành nghề cụ thể.
- Học tập nâng cao trình độ tiến sĩ luật.

## PHẦN 4. TUYỂN SINH, ĐÀO TẠO VÀ TỐT NGHIỆP

### 4.1. Chuẩn đầu vào

Yêu cầu đối với người dự tuyển được quy định chung tại Khoản 1, Điều 5, Thông tư 23, yêu cầu cụ thể đối với tuyển sinh thạc sĩ ngành Luật như sau:

**a) Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp.**

- Cụ thể, ngành phù hợp chuẩn đầu vào thạc sĩ luật bao gồm:

Khối ngành	Các ngành thuộc lĩnh vực	Yêu cầu học bổ sung	Yêu cầu học bổ sung 09 tín chỉ (03 môn học)
738	Pháp luật		
786	An ninh, Quốc phòng		
722	Nhân văn	X	<b>Các môn học bổ sung nhóm 1:</b> 1. Nhà nước và pháp luật (3TC) 2. Luật dân sự nhập môn (3TC) 3. Luật hình sự nhập môn (3TC)
731	Khoa học xã hội và hành vi	X	
734	Kinh doanh và quản lý	X	
776	Dịch vụ xã hội	X	
714	KHGD và đào tạo giáo viên	X	
781	Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân	X	
*	Trường hợp không thuộc đối tượng quy định trên đây nhưng có ít nhất 03 năm kinh nghiệm hoặc đang làm việc có liên quan đến lĩnh vực pháp luật và quản lý thì Hội đồng chuyên môn của Khoa quản lý ngành xem xét hồ sơ theo từng trường hợp cụ thể	X	<b>Các môn học bổ sung nhóm 2:</b> Bao gồm các môn của nhóm 1 trên đây và: 4. Luật hiến pháp nhập môn (3TC) 5. Luật kinh tế nhập môn (3TC) 6. Luật hành chính và tổ tụng hành chính (3TC)

#### **Ghi chú:**

- Trường hợp thí sinh đã tích lũy môn học ở một chương trình đào tạo trước đó thì được xét miễn môn bổ sung.

- Nguyên tắc lựa chọn các môn học bổ sung được liệt kê ở trên là ưu tiên lựa chọn trong số các môn học thuộc nhóm môn học cơ sở ngành thuộc Chương trình đào tạo ngành Luật, trình độ đại học của Trường. Do đó, trường hợp chương trình đào tạo ngành Luật, trình độ đại học của Trường có thay đổi thì thành phần các môn học bổ sung có thể thay đổi theo, nhưng ưu tiên giữ nguyên khối lượng tín chỉ phải bổ sung của từng đối tượng.

- Riêng “*đối với chương trình định hướng nghiên cứu, yêu cầu hạng tốt nghiệp từ khá trở lên hoặc có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập, nghiên cứu*”. Trường hợp chưa có công bố khoa học phù hợp, người dự tuyển có thể liên hệ (Khoa chuyên môn) đăng ký môn học đề án “Chuyên đề tư duy” (2TC) để được hướng dẫn viết bài luận và công bố khoa học.

**b) Có năng lực ngoại ngữ từ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam**

Quy định cụ thể xem tại Khoản 3, Điều 5, Thông tư 23 và Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ tại Trường Đại học Thái Bình Dương.

## 4.2. Phương thức tuyển sinh

- Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển
- Chi tiết theo Quy chế tuyển sinh của Bộ GD-ĐT và Đề án tuyển sinh của Trường.

## 4.3. Tổ chức đào tạo

### a) Thời gian đào tạo

- Tổ chức đào tạo theo học chế tín chỉ (thời gian linh hoạt)
- Tổng thời gian thiết kế là 18 tháng (CQ) hoặc 22 tháng (VLVH), phân bổ thành 02 hoặc 03 đợt học và 01 đợt tốt nghiệp, bao gồm cả thời gian thực tập và đề án tốt nghiệp (đối với định hướng ứng dụng) và thực hiện luận văn thạc sĩ (đối với định hướng nghiên cứu).

### b) Phương pháp giảng dạy (Teaching Methods – TM)

#### (1) Nhóm phương pháp giảng dạy trực tiếp

Đối với Phương pháp giảng dạy trực tiếp, thông tin được truyền đạt đến học viên theo cách trực tiếp: giáo viên giảng bài và học viên lắng nghe. Phương pháp này thường được áp dụng trong các lớp học truyền thống và đặc biệt hiệu quả khi giảng viên muốn truyền đạt cho học viên những kiến thức cơ bản hoặc giải thích một kỹ năng mới.

Mã hiệu	Tên phương pháp		Nội dung phương pháp
TM01	Thuyết giảng	Lecture	Giảng viên trình bày và giải thích nội dung bài giảng, nhưng không loại trừ việc đặt câu hỏi, phát biểu hay thảo luận từ phía học viên.
TM02	Giải thích cụ thể	Explicit teaching	Giảng viên hướng dẫn và giải thích các khía cạnh của nội dung bài học, giúp học viên đạt được các kiến thức và kỹ năng.
TM03	Tham luận chuyên gia	Guest lecture	Học viên được tham gia cùng với người trình bày, diễn giả khách mời (không phải là giảng viên thường kỳ của môn học).

#### (2) Nhóm phương pháp kích thích suy nghĩ

Phương pháp kích thích suy nghĩ phát triển tư duy phê phán, kỹ năng đặt câu hỏi, kỹ năng phân tích và thực hành kỹ năng phản xạ trong phương pháp học tập của học viên. Những Phương pháp này được thiết kế để thúc đẩy tư duy và học tập sáng tạo, độc lập.

Mã hiệu	Tên phương pháp		Nội dung phương pháp
TM04	Học qua tình huống (điển cứu)	Case study	Giảng viên sẽ đưa ra các nhiệm vụ và các mốc thời gian tùy theo từng tình huống, vấn đề và thách thức gặp phải. Việc yêu cầu học viên xác định và phân tích vấn đề sẽ giúp học viên hình thành kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng ra quyết định và kỹ năng học tập.
TM05	Giải quyết vấn đề	Problem solving	Học viên phải dùng tư duy sâu và logic để nhìn nhận và giải quyết các chênh lệch giữa tình hình hiện tại

			và mục tiêu mong muốn, qua đó, học được các kiến thức mới khi đối mặt tình huống.
<b>TM06</b>	Tập kích não	Brainstorming	Trong quá trình làm việc nhóm, học viên được yêu cầu sử dụng phương pháp này để tạo ra các câu hỏi, ý tưởng và ví dụ; được dùng để minh họa, mở rộng và đào sâu vào ý tưởng chính hoặc chủ đề. Mỗi thành viên của nhóm được khuyến khích đóng góp ý kiến mà không cần quan tâm tới tính khả thi. Phương pháp này tạo nên sự linh hoạt suy nghĩ của học viên và giúp tăng khả năng tìm kiếm và mở rộng vấn đề. Nó được dùng trong các môn học nhằm phát triển cách suy nghĩ sáng tạo, tìm kiếm ý tưởng và phương pháp giải quyết vấn đề.

### ***(3) Nhóm phương pháp dựa trên hoạt động***

Phương pháp này khuyến khích học viên học tập thông qua các hoạt động thực tế. Những hoạt động này cũng cấp cho học viên cơ hội trải nghiệm thực tế, điều này sẽ thúc đẩy người học thực hiện các khám phá, đưa ra quyết định, giải quyết vấn đề và tự mình tương tác với người khác.

<b>Mã hiệu</b>	<b>Tên phương pháp</b>		<b>Nội dung phương pháp</b>
<b>TM07</b>	Đóng vai	Role play	Học viên giả định các vai diễn khác nhau trong một tình huống và tương tác (diễn) với người khác.
<b>TM08</b>	Trò chơi	Game	Các trò chơi được xem như là hoạt động tương tác, có thể tạo ra sự hỗ trợ qua lại giữa giảng viên - học viên hoặc các thành viên trong lớp, giúp hệ thống hóa kiến thức đồng thời tăng cường sự tự tin của học viên.
<b>TM09</b>	Kiến tập	Field trip (Study tour)	Học viên được tham quan, khảo sát tại một số đối tác nghề nghiệp và sự phạm của ngành.
<b>TM10</b>	Tranh luận	Debates	Giảng viên đưa ra một vấn đề liên quan tới bài học và học viên, với những ý kiến khác nhau, cố thuyết phục người khác đồng ý với quan điểm của mình. Qua tranh luận, học viên đạt được những kỹ năng hữu ích như tư duy sâu, đàm phán, ra quyết định, và nói trước đám đông.

### ***(4) Nhóm phương pháp tăng cường hợp tác***

Phương pháp hợp tác giúp học viên trở nên năng động, có trách nhiệm và chu đáo, nhờ vào sự tương tác tích cực và hợp tác trong nhóm. Bên cạnh đó, học viên có thể thực hành các kỹ năng lắng nghe, tôn trọng và xem xét các mặt của một vấn đề. Phương pháp này tập trung vào các làm cho học viên tương tác với nhau và sau đó áp dụng các kỹ năng này vào thực tế.

<b>Mã hiệu</b>	<b>Tên phương pháp</b>		<b>Nội dung phương pháp</b>
<b>TM11</b>	Thảo luận	Discussion	Học viên được chia thành các nhóm và đưa ý kiến về vấn đề giảng viên đã đưa ra từ trước. Phương pháp này giúp cho học viên phân tích các định nghĩa, ý tưởng, dữ liệu về chủ đề và cùng bàn luận, qua đó có thể liên kết các ý tưởng và làm rõ vấn đề.

<b>TM12</b>	Học nhóm	Teamwork learning	Học viên được chia thành những nhóm nhỏ để giải quyết vấn đề được cho, và trình bày kết quả bằng báo cáo hoặc thuyết trình. Trong chương trình học, học viên được cung cấp kiến thức căn bản và kỹ năng làm việc nhóm từ năm nhất. Tiếp đó, họ sẽ luyện tập phương pháp này trong những môn học ở các cấp độ khác nhau.
<b>TM13</b>	Câu hỏi gợi mở	Inquiry	Giảng viên sử dụng các câu hỏi hoặc vấn đề mở và hướng dẫn học viên/nhóm học viên trả lời từng bước một.

**(5) Nhóm phương pháp học tập độc lập**

Đây là nhóm các phương pháp thường được áp dụng trong đào tạo bậc cao. Các phương pháp này vừa đòi hỏi, vừa phát huy khả năng tự học của học viên. Bên cạnh các phương pháp truyền thống như Đề án nghiên cứu hay Bài tập cá nhân, hiện nay các phương pháp như Học trực tuyến hay Lớp học đảo ngược đều được áp dụng nhiều trong thời đại số.

<b>Mã hiệu</b>	<b>Tên phương pháp</b>		<b>Nội dung phương pháp</b>
<b>TM14</b>	Đề án/ tiểu luận	Research project	Học viên chủ động lập kế hoạch, tổ chức, khám phá và giao tiếp về một chủ đề một cách độc lập và còn hơn cả thế, dưới sự hướng dẫn của giảng viên. Nó cũng tăng cường động lực học tập và tính chủ động học tập vì học viên được quyền lựa chọn điều gì mà họ muốn trình bày.
<b>TM15</b>	Bài tập cá nhân	Work assignment	Học viên được yêu cầu phải hoàn thành các bài tập của giảng viên tại nhà. Qua quá trình này, học viên sẽ học được cách tự học, cũng như đạt được các kiến thức và kỹ năng.
<b>TM16</b>	Tự học trực tuyến	Online learning	Học viên tự học trên các học liệu trực tuyến được chuẩn bị sẵn trên hệ thống LMS.
<b>TM17</b>	Lớp học đảo ngược	Flipped classroom	Giảng viên cung cấp nội dung học tập cho người học học tập trước khi vào lớp. Nội dung được cung cấp trước thường là các học liệu trực tuyến. Giờ học ở lớp sẽ dành cho các hoạt động khác để giúp củng cố và mở rộng các nội dung đã tìm hiểu.

**(\*) Sự tương thích giữa phương pháp giảng dạy và CDR của chương trình đào tạo**

<b>Mã CDR</b>	<b>Nội dung chuẩn đầu ra</b>	<b>Phương pháp giảng dạy</b>
<b>PL01</b>	Nhận diện được các vấn đề pháp lý đối với vụ việc cụ thể hoặc đối với hiện trạng hoạt động của một quy trình, một tổ chức (bloom 6)	TM01, 2,4,5,6,11,12,14,15,16,17
<b>PL02</b>	Phân tích và đánh giá được thông tin pháp luật thực định có liên quan để giải quyết các vấn đề pháp lý (bloom 5)	TM01, 2,4,5,6,11,12,14,15,16,17

<b>PL03</b>	Xây dựng được các văn bản mang tính quy phạm, văn bản tư vấn pháp lý cho thân chủ độc lập hoặc phục vụ cho công tác quản lý nội bộ (bloom 6)	TM01, 2,3,4,5,6,11,12,14,15,16,17
<b>PL04</b>	Tích hợp được các vấn đề pháp lý với kinh tế, xã hội và môi trường trong quá trình ra quyết định (bloom 6)	TM01, 2,3,4,5,6,7,8,9,10,15,16,17
<b>PL05</b>	Đánh giá, so sánh được các hậu quả pháp lý và hệ quả xã hội (tổ chức) đối với các phương án hoạt động (và vận dụng pháp luật) khác nhau (bloom 5)	TM01, 2,3,4,5,6,7,8,9,10,15,16,17
<b>PL06</b>	Thích nghi được (thông qua khả năng tự học hỏi) với sự biến đổi của xã hội nói chung và của pháp luật nói riêng (bloom 6)	TM01, 2,4,5,7,8,9,10,14,15,16,17

#### **d) Phương pháp đánh giá (Assessment Method - AM)**

Một môn học phải có ít nhất 02 thành phần đánh giá và thường không quá 05 thành phần được đánh ký hiệu A1, A2... A5, được phân bổ thời gian dàn trải đều theo kế hoạch đào tạo, đảm bảo hợp lý và liên tục.

Trường hợp có 02 thành phần đánh giá thì bao gồm:

- A1 (50%) là thành phần quá trình (có thể là tổng hợp của nhiều cột điểm)
- A2 (50%) là thành phần đánh giá kết môn

(\* **Nguyên tắc chung:** Các thành phần đánh giá phải đảm bảo các nguyên tắc:

- Bài đánh giá bám sát chuẩn đầu ra của môn học bằng cách nêu rõ các CLO liên quan.
- Mỗi bài đánh giá có rubrics kèm theo đề cương dưới dạng phụ lục.
- Không có một thành phần đánh giá nào chiếm trọng số lớn hơn 50%.
- Hạn chế tối đa hình thức thi kiểm tra kiến thức mang tính dữ kiện, nhớ, ghi chép.

(\* **Các hình thức đánh giá và cách tính điểm**

Mã hiệu	Hình thức đánh giá	Thường áp dụng cho	
		Quá trình	Kết môn
AM01	Đánh giá bài tập (Work Assignment)	x	
AM02	Thuyết trình (Oral Presentation)	x	x
AM03	Đánh giá hoạt động (Performance Test)	x	
AM04	Nhật ký thực tập (Journal and Blogs)	x	
AM05	Bài trắc nghiệm (Multiple Choice Exam)	x	x
AM06	Bài tự luận tập trung (Paper-based exam room)	x	x
AM07	Bảo vệ và thi vấn đáp (Oral Exam)		x
AM08	Viết báo cáo (Written Report)		x
AM09	Thuyết trình cá nhân (Oral Presentation)	x	x
AM10	Đánh giá làm việc nhóm (Teamwork)	x	
AM11	Báo cáo tiểu luận (Written Report)	x	x
AM12	Báo cáo tham luận (Conference Presentations)	x	x
AM13	Đề án nghiên cứu/ ứng dụng (Project)		x

Chương trình đào tạo sử dụng thang điểm như quy định tại Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ tại Trường Đại học Thái Bình Dương.

**(\*) Sự tương thích giữa phương pháp đánh giá và CĐR của chương trình đào tạo**

<b>Mã CĐR</b>	<b>Nội dung chuẩn đầu ra</b>	<b>Phương pháp đánh giá</b>
<b>PL01</b>	Nhận diện được các vấn đề pháp lý đối với vụ việc cụ thể hoặc đối với hiện trạng hoạt động của một quy trình, một tổ chức (bloom 6)	AM01,2,6,7,8,9,10,11,12,13
<b>PL02</b>	Phân tích và đánh giá được thông tin pháp luật thực định có liên quan để giải quyết các vấn đề pháp lý (bloom 5)	AM01,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11
<b>PL03</b>	Xây dựng được các văn bản mang tính quy phạm, văn bản tư vấn pháp lý cho thân chủ độc lập hoặc phục vụ cho công tác quản lý nội bộ (bloom 6)	AM01,2,6,7,8,9,10,11,12,13
<b>PL04</b>	Tích hợp được các vấn đề pháp lý với kinh tế, xã hội và môi trường trong quá trình ra quyết định (bloom 6)	AM01,2,6,7,8,9,10,11,12,13
<b>PL05</b>	Đánh giá, so sánh được các hậu quả pháp lý và hệ quả xã hội (tổ chức) đối với các phương án hoạt động (và vận dụng pháp luật) khác nhau (bloom 5)	AM01,2,6,7,8,9,10,11,12,13
<b>PL06</b>	Thích nghi được (thông qua khả năng tự học hỏi) với sự biến đổi của xã hội nói chung và của pháp luật nói riêng (bloom 6)	AM01,2,6,7,8,9,10,11,12,13

#### **4.4. Điều kiện xét tốt nghiệp**

Điều kiện sau đây sẽ được xét công nhận tốt nghiệp được quy định chung tại Khoản 1, Điều 12, Thông tư 23, điều kiện xét tốt nghiệp cụ thể đối với thạc sĩ ngành Luật như sau:

a) Đã hoàn thành đủ các môn học của chương trình đào tạo 60 tín chỉ.

b) Có trình độ ngoại ngữ đạt yêu cầu theo chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo trước thời điểm xét tốt nghiệp; được minh chứng bằng một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương **Bậc 4** theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (Quy định cụ thể tại Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ tại Trường ĐH Thái Bình Dương).

c) Hoàn thành các trách nhiệm theo quy định của cơ sở đào tạo; không bị truy cứu trách nhiệm hình sự và không trong thời gian bị kỷ luật, đình chỉ học tập.

## PHẦN 5. NỘI DUNG ĐÀO TẠO

### 5.1. Cấu trúc chương trình

TT	Khối kiến thức	Số tín chỉ		
		Tổng cộng	Bắt buộc	Tự chọn
<b>I.</b>	<b>THÀNH PHẦN CHUNG</b>	<b>9</b>	<b>9</b>	<b>0</b>
1.1.	Triết học	4	4	
1.2.	Phương pháp nghiên cứu	5	5	
<b>II.</b>	<b>THÀNH PHẦN NGÀNH</b>	<b>36</b>	<b>28</b>	<b>8</b>
2.1.	Cơ sở ngành	28	28	
2.2.	Chuyên ngành	8		8
<b>III.</b>	<b>THÀNH PHẦN TỐT NGHIỆP</b>	<b>15</b>	<b>0</b>	<b>15</b>
3.1.	Luận văn thạc sĩ (định hướng nghiên cứu)	15		15
3.2.	Thực tập và đề án tốt nghiệp (định hướng ứng dụng)	15		15
	<b>TỔNG SỐ TÍN CHỈ</b>	<b>60</b>	<b>25</b>	<b>35</b>

### Cụ thể chương trình mẫu

TT	Khối kiến thức	Số tín chỉ		
		Tổng cộng	Bắt buộc	Tự chọn
<b>I.</b>	<b>THÀNH PHẦN CHUNG</b>	<b>9</b>	<b>9</b>	<b>0</b>
1.	Triết học	4	4	
2.	Phương pháp nghiên cứu luật học và giảng dạy pháp luật	5	5	
<b>II.</b>	<b>THÀNH PHẦN NGÀNH</b>	<b>36</b>	<b>28</b>	<b>8</b>
<b>II.1.</b>	<b>Cơ sở ngành</b>	<b>28</b>	<b>28</b>	<b>0</b>
3.	Pháp luật và phát triển		4	
4.	Những nguyên lý hiến pháp và nhà nước pháp quyền		4	
5.	Những vấn đề pháp lý nền tảng của luật tư		4	
6.	Chuyên đề Tư pháp hình sự		4	
7.	Chuyên đề Tài phán hành chính		4	
8.	Chuyên đề Pháp luật hợp đồng		4	
9.	Chuyên đề Môi trường pháp lý kinh doanh		4	
<b>II.2.</b>	<b>Chuyên ngành (chọn 8 tín chỉ)</b>	<b>8</b>	<b>0</b>	<b>8</b>
10.	Kinh tế học pháp luật			4
11.	Luật tố tụng dân sự so sánh			4
12.	Quản trị tốt và phòng chống tham nhũng			4
<b>III.</b>	<b>THÀNH PHẦN TỐT NGHIỆP</b>	<b>15</b>	<b>0</b>	<b>15</b>
<b>III.1.</b>	<b>Định hướng nghiên cứu</b>	<b>15</b>	<b>0</b>	<b>15</b>
13.	Luận văn thạc sĩ			15
<b>III.2.</b>	<b>Định hướng ứng dụng</b>	<b>15</b>	<b>0</b>	<b>15</b>
14.	Thực tập tốt nghiệp			6
15.	Đề án tốt nghiệp			9
	<b>TỔNG SỐ TÍN CHỈ</b>	<b>60</b>	<b>25</b>	<b>35</b>

## 5.2. Danh mục môn học phân đợt

### PHƯƠNG ÁN A: 03 ĐỢT HỌC + TỐT NGHIỆP

TT	TÊN MÔN HỌC	SỐ TC / HÌNH THỨC HỌC			
		Số TC	Lý thuyết	Đề án NC	Th.hành/thực tập
<b>I. ĐỢT HỌC 1</b>					
1.	Triết học	4	2	1	1
2.	Pháp luật và phát triển	4	2	1	1
3.	Những vấn đề pháp lý nền tảng của luật tư	4	2	1	1
4.	Những nguyên lý hiến pháp và nhà nước pháp quyền	4	2	1	1
<b>II. ĐỢT HỌC 2</b>					
5.	Chuyên đề Tư pháp hình sự	4	2	1	1
6.	Chuyên đề Tài phán hành chính	4	2	1	1
7.	Chuyên đề Pháp luật hợp đồng	4	2	1	1
8.	Chuyên đề Môi trường pháp lý kinh doanh	4	2	1	1
<b>III. ĐỢT HỌC 3</b>					
9.	Phương pháp nghiên cứu luật học và giảng dạy pháp luật	5	2	2	1
10.	Kinh tế học pháp luật (*)	4	2	1	1
11.	Quản trị tốt và phòng chống tham nhũng (*)	4	2	1	1
<b>IV. ĐỢT TỐT NGHIỆP</b>					
	<i>Định hướng nghiên cứu</i>				
12.	Luận văn tốt nghiệp	15	0	15	0
	<i>Định hướng ứng dụng</i>				
13.	Thực tập tốt nghiệp	6	0	0	6
14.	Đề án tốt nghiệp	9	0	9	0
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>60</b>	<b>22</b>	<b>21</b>	<b>17</b>

### PHƯƠNG ÁN B: 02 ĐỢT HỌC + TỐT NGHIỆP

TT	TÊN MÔN HỌC	SỐ TC / HÌNH THỨC HỌC			
		Số TC	Lý thuyết	Đề án NC	TH/Thực tập
<b>I. ĐỢT HỌC 1</b>					
1.	Triết học	4	2	1	1
2.	Pháp luật và phát triển	4	2	1	1
3.	Những vấn đề pháp lý nền tảng của luật tư	4	2	1	1
4.	Những nguyên lý hiến pháp và nhà nước pháp quyền	4	2	1	1
5.	Chuyên đề Tư pháp hình sự	4	2	1	1
6.	Chuyên đề Tài phán hành chính	4	2	1	1
<b>II. ĐỢT HỌC 2</b>					
7.	Chuyên đề Pháp luật hợp đồng	4	2	1	1
8.	Chuyên đề Môi trường pháp lý kinh doanh	4	2	1	1
9.	Phương pháp nghiên cứu luật học và giảng dạy pháp luật	5	2	2	1
10.	Kinh tế học pháp luật (*)	4	2	1	1
11.	Quản trị tốt và phòng chống tham nhũng (*)	4	2	1	1
<b>IV. ĐỢT TỐT NGHIỆP</b>					
	<i>Định hướng nghiên cứu</i>				
12.	Luận văn tốt nghiệp	15	0	15	0
	<i>Định hướng ứng dụng</i>				
13.	Thực tập tốt nghiệp	6	0	0	6
14.	Đề án tốt nghiệp	9	0	9	0
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>60</b>	<b>22</b>	<b>21</b>	<b>17</b>

(\*) Môn tự chọn ưu tiên bố trí của định hướng chuyên sâu “Luật và phát triển”. Xem thêm các lựa chọn các định hướng chuyên ngành khác ở **mục 5.3**; Tập đề cương môn học ở **phụ lục 1**; Ma trận đối sánh với chương trình đào tạo của một số trường khác ở **phụ lục 2**.

### 5.3. Danh mục các chuyên ngành

- Mỗi chuyên ngành sẽ tự chọn: Hai (02) môn học tự chọn (08 tín chỉ); và Hướng đề tài và hình thức tốt nghiệp phù hợp (15 tín chỉ).

- Chuyên ngành “Luật và phát triển” áp dụng mở lớp đại trà; các chuyên ngành khác tổ chức khi có điều kiện mở lớp của trường.

<b>A</b>	<b>Chuyên ngành: Luật và phát triển</b>	<b>Số TC</b>	<b>Lý thuyết</b>	<b>Đề án nghiên cứu</b>	<b>Thực hành, thực tập</b>
1.	Kinh tế học pháp luật	4	2	1	1
2.	Quản trị tốt và phòng chống tham nhũng	4	2	1	1
3.	Luật tố tụng dân sự so sánh	4	2	1	1
4.	(*) hoặc 1 môn tự chọn khác trong số các chuyên ngành còn lại	4	2	1	1
<b>B</b>	<b>Chuyên ngành: Pháp luật và kinh doanh ngân hàng</b>				
1.	Pháp luật tài chính ngân hàng	4	2	1	1
2.	Luật công ty và quản trị công ty	4	2	1	1
3.	Giải quyết tranh chấp kinh doanh	4	2	1	1
4.	Rủi ro pháp lý trong lĩnh vực ngân hàng	4	2	1	1
5.	Chủ thể kinh doanh và tổ chức tín dụng	4	2	1	1
<b>C</b>	<b>Chuyên ngành: Luật và quản trị địa phương</b>				
1.	Quản trị địa phương	4	2	1	1
2.	Chính trị học so sánh	4	2	1	1
3.	Quản trị tốt và phòng chống tham nhũng	4	2	1	1
<b>D</b>	<b>Chuyên ngành: Giáo dục pháp luật và kinh tế</b>				
1.	Xây dựng bài giảng pháp luật và kinh tế	4	2	1	1
2.	Thực hành giảng dạy pháp luật và kinh tế	4	2	1	1
3.	Đánh giá trong giảng dạy pháp luật và kinh tế	4	2	1	1
<b>E</b>	<b>Chuyên ngành: Luật biển và công pháp quốc tế</b>				
1.	Luật biển quốc tế	4	2	1	1
2.	Công pháp quốc tế hiện đại	4	2	1	1
3.	Chủ quyền của Việt Nam đối với Hoàng Sa và Trường Sa	4	2	1	1
<b>F</b>	<b>Chuyên ngành: Tư pháp hình sự và tội phạm học</b>				
1.	Những vấn đề chuyên sâu về tội phạm học	4	2	1	1
2.	Những vấn đề chuyên sâu về luật hình sự	4	2	1	1
3.	Những vấn đề chuyên sâu về tố tụng hình sự	4	2	1	1
<b>G</b>	<b>Chuyên ngành: Pháp luật và kinh doanh bất động sản</b>				
1.	Pháp luật trong kinh doanh bất động sản	4	2	1	1
2.	Luật đất đai và kinh tế tài nguyên đất	4	2	1	1
3.	Giải quyết tranh chấp kinh doanh	4	2	1	1

**H. Chuyên ngành: Quản trị công và phát triển bền vững**

**Hình thức đào tạo:** Chính quy (Lớp chất lượng cao, hệ điều hành cao cấp)

**Chủ nhiệm chương trình:** GS.TS. Nguyễn Đăng Dung

TT	Khối kiến thức	Số tín chỉ		
		Tổng cộng	Bắt buộc	Tự chọn
<b>I.</b>	<b>THÀNH PHẦN CHUNG</b>	<b>9</b>	<b>9</b>	<b>0</b>
1.	Triết học (Philosophy)	4	4	

TT	Khối kiến thức	Số tín chỉ		
		Tổng cộng	Bắt buộc	Tự chọn
2.	<b>Phương pháp nghiên cứu luật học và giảng dạy pháp luật</b> (Methods of Legal Research and Teaching)	5	5	
<b>II.</b>	<b>THÀNH PHẦN NGÀNH</b>	<b>36</b>	<b>28</b>	<b>8</b>
<b>II.1.</b>	<b>Cơ sở ngành</b>	<b>28</b>	<b>28</b>	<b>0</b>
3.	<b>Pháp luật và phát triển</b> (Law and Development)		4	
4.	<b>Những nguyên lý hiến pháp và nhà nước pháp quyền</b> (Principles of Constitutional Law and the Rule of Law)		4	
5.	<b>Những vấn đề pháp lý nền tảng của luật tư</b> (Fundamental Legal Issues in Private Law)		4	
6.	<b>Chính quyền địa phương và quản trị địa phương</b> (Local government and local governance)		4	
7.	<b>Chính sách kinh tế và phát triển bền vững</b> (Economic Policy and Sustainable Development)		4	
8.	<b>Quyền con người và phát triển bền vững</b> (Human Rights and Sustainable Development)		4	
9.	<b>Văn hóa pháp luật và quản trị bằng văn hóa</b> (Legal Culture and Governance through Culture)		4	
<b>II.2.</b>	<b>Chuyên ngành (chọn 8 tín chỉ)</b>	<b>8</b>	<b>0</b>	<b>8</b>
10.	<b>Kinh tế học pháp luật</b> (Law and Economics)			4
11.	<b>Quản trị tốt và phòng chống tham nhũng</b> (Good Governance and Anti-Corruption)			4
12.	<b>Chủ quyền xanh và an ninh phi truyền thống</b> (Green Sovereignty and Non-Traditional Security)			4
<b>III.</b>	<b>THÀNH PHẦN TỐT NGHIỆP</b>	<b>15</b>	<b>0</b>	<b>15</b>
<b>III.1.</b>	<b>Định hướng nghiên cứu</b>	<b>15</b>	<b>0</b>	<b>15</b>
13.	Luận văn thạc sĩ (Master's Thesis)			15
<b>III.2.</b>	<b>Định hướng ứng dụng</b>	<b>15</b>	<b>0</b>	<b>15</b>
14.	Thực tập tốt nghiệp (Internship)			6
15.	Đề án tốt nghiệp (Capstone Project)			9
	<b>TỔNG SỐ TÍN CHỈ</b>	<b>60</b>	<b>25</b>	<b>35</b>

(\* ) Ma trận đóng góp của môn học vào chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

TT	TÊN MÔN HỌC	PL01	PL02	PL03	PL04	PL05	PL06
1.	Triết học (sau đại học)				X	X	X
2.	Phương pháp nghiên cứu luật học và giảng dạy pháp luật	X	X	X	X	X	X
3.	Pháp luật và phát triển	X	X	X	X	X	X
4.	Những nguyên lý hiến pháp và nhà nước pháp quyền	X	X	X	X	X	X
5.	Những vấn đề pháp lý nền tảng của luật tư	X	X	X	X	X	X
6.	Chuyên đề Tư pháp hình sự	X	X	X	X	X	X
7.	Chuyên đề Tài phán hành chính	X	X	X	X	X	
8.	Chuyên đề Pháp luật hợp đồng	X	X	X	X	X	
9.	Chuyên đề Môi trường pháp lý kinh doanh	X	X	X	X	X	
10.	Kinh tế học pháp luật	X	X	X	X	X	
11.	Quản trị tốt và phòng chống tham nhũng	X	X	X	X	X	
12.	Luận văn thạc sĩ / Thực tập và đề án tốt nghiệp	X	X	X	X	X	X

## 5.4. Hướng dẫn thực hiện chương trình

Quá trình thực hiện chương trình tuân thủ các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trường Đại học Thái Bình Dương. Ngoài ra, tham chiếu các hướng dẫn sau:

- Chương trình đào tạo thạc sĩ gồm 60 tín chỉ với thời gian đào tạo chuẩn được thiết kế là 16 tháng đối với hình thức đào tạo chính quy, và 20 tháng đối với hình thức đào tạo VLVH.

- Chương trình đào tạo được thiết kế để người học được lựa chọn theo định hướng nghiên cứu hoặc định hướng ứng dụng, với các điểm chung và riêng giữa hai định hướng:

TT	Hạng mục	Định hướng nghiên cứu	Định hướng ứng dụng
1	Các tín chỉ “đề án nghiên cứu”	Tập trung hơn vào các vấn đề lý luận của khoa học pháp lý	Tập trung hơn vào ứng dụng pháp luật giải quyết các vấn đề thực tiễn
2	Các tín chỉ “thực hành, thực tập”	Tập trung hơn vào việc thực hành phân tích luật viết và tham dự, báo cáo hội thảo	Tập trung hơn vào các chuyến thực tập, kiến tập, study tour
3	Cấu trúc các môn học đảm bảo theo Khoản 4, Điều 8, Thông tư 17	15 tín chỉ luận văn tốt nghiệp	06 tín chỉ thực tập tốt nghiệp 09 tín chỉ đề án tốt nghiệp
		Điểm chung*: 16 tín chỉ chuyên đề nghiên cứu 08 tín chỉ đề án nghiên cứu 08 tín chỉ thực hành, thực tập	

(\*) Điểm chung: Dù định hướng nghiên cứu hay ứng dụng, đều phải có sự phối hợp giữa lý luận và thực hành nhằm giúp cho người học nâng cao kiến thức chuyên môn lẫn kỹ năng hoạt động nghề nghiệp; có năng lực làm việc và nghiên cứu độc lập.

- Mỗi năm học có hai học kỳ chính và một học kỳ phụ. Lịch trình năm học có thể trùng hoặc không trùng với bậc đào tạo đại học.

- Tùy thuộc vào loại hình đào tạo là chính quy hay vừa học vừa làm, thời gian đào tạo, việc sắp xếp thời khóa biểu và triển khai giảng dạy tuân thủ theo đúng quy định hiện hành. Đối với cả hai hình thức đào tạo, chương trình giảng dạy được xây dựng trên hệ thống đơn vị tín chỉ cho phép học viên linh hoạt trong kế hoạch học tập cá nhân.

- Việc giảng dạy được thiết kế và triển khai căn cứ theo mục tiêu của môn học, liên tục được cải thiện trên cơ sở ý kiến đóng góp từ người học, các giảng viên, và các đối tượng hữu quan khác.

- Mỗi môn học được tổ chức giảng dạy, đánh giá theo hình thức trực tuyến hoặc kết hợp giữa trực tuyến và trực tiếp theo quy định hiện hành về tỷ lệ áp dụng.

- Mỗi môn học điển hình có 04 tín chỉ, gồm 02 tín chỉ lý thuyết, 01 tín chỉ đề án / đồ án nghiên cứu, và 01 tín chỉ thực hành, thực tập:

+ Đối với 02 tín chỉ lý thuyết: Bố trí 30 tiết lên lớp (trực tiếp/ trực tuyến theo quy định).

+ Đối với 01 tín chỉ đề án nghiên cứu: Bố trí 30 giờ tự nghiên cứu có hướng dẫn, phân bổ trong thời gian ít nhất 02 tuần. Điểm của đề án tính thành 01 cấu phần điểm của môn học.

+ Đối với 01 tín chỉ thực hành, thực tập: Mỗi môn học đều có phần thực hành / thực tập được tổ chức thành các chuyến “field trip” (thường là trong ngày), hoặc tổ chức chung thành chuyến “study tour” (thường là dài ngày), gọi chung là “chuyến thực tế”. Trong chuyến thực tế có thể có nhiều hoạt động, trong đó 02 hoạt động cốt lõi nhất là “kiến tập” và “hội thảo”.

## PHẦN 6. MÔ TẢ MÔN HỌC

### 6.1. Triết học

**Số tín chỉ:** 04

**Môn học tiên quyết:** Không

**Tóm tắt:** Môn học này gồm 8 chương, bên cạnh việc giới thiệu những kiến thức cơ bản về Triết học nói chung và triết học Mác – Lênin nói riêng (chương 1), môn học đi vào những nội dung chuyên sâu của triết học như: Vấn đề bản thể luận (chương 2); Vấn đề Phép biện chứng (chương 3); Vấn đề nhận thức luận (chương 4); Học thuyết về hình thái kinh tế - xã hội (chương 5); Ý thức xã hội (chương 6); Triết học chính trị (chương 7); Triết học về con người (chương 8). Nội dung chính của các chương nói trên nhằm làm rõ những khái niệm và nội dung có liên quan, từ đó hướng tới việc vận dụng sáng tạo vào các lĩnh vực trong thực tiễn ở Việt Nam.

**Tài liệu tham khảo:**

1. Giáo trình Triết học Sau đại học (Bộ GD-ĐT)
2. Hegel, Lão tử và triết học pháp lý (Nguyễn Hữu Liêm)

### 6.2. Phương pháp nghiên cứu luật học và giảng dạy pháp luật

**Số tín chỉ:** 05

**Môn học tiên quyết:** Không

**Tóm tắt:** Môn học này gồm 12 chương. Chương 1 bàn về những khái niệm và ý nghĩa của việc nghiên cứu pháp luật. Từ Chương 2 đến Chương 6 đi vào các vấn đề trong quá trình nghiên cứu như: Phương pháp nghiên cứu, Xây dựng khung lý thuyết, Áp dụng các phương pháp NCKHXXH, Lựa chọn và diễn đạt câu hỏi nghiên cứu, Xem xét tài liệu và xây dựng đề cương.... Chương 7 đến Chương 9 trình bày về Những kỹ năng viết một bài nghiên cứu, Cách thức thuyết trình và Đạo đức của người nghiên cứu pháp luật. Ba chương cuối cùng đi vào những nội dung cơ bản của Phương pháp giảng dạy pháp luật.

**Tài liệu tham khảo:**

1. Legal Research Methods (Teaching Material, Khushal Vibhute)
2. Phương pháp nghiên cứu luật học (P.D. Nghĩa, ĐH Fulbright)
3. Phương pháp, QT và KTNC cơ bản trong KHPL (Đ.M Khôi)

### 6.3. Pháp luật và phát triển

**Số tín chỉ:** 04

**Môn học tiên quyết:** Không

**Tóm tắt:** Môn học là một trong những môn nền tảng dành cho học viên cao học Luật, cung cấp các kiến thức cơ bản về một số học thuyết pháp lý tiêu biểu trong lịch sử nhân loại bao gồm các học thuyết thời kỳ cổ đại, thời kỳ trung đại và đương đại. Từ đây, học viên có thể vận dụng vào việc phân tích sự tồn tại và phát triển của các nhà nước cũng như hệ thống pháp luật tương ứng. Cụ thể nội dung môn học bao gồm các lý thuyết pháp luật đương đại trên thế giới bao gồm Lý thuyết pháp

luật tự nhiên đương đại, Lý thuyết pháp luật thực chứng đương đại, Lý thuyết pháp luật của Hans Kelsen, Lý thuyết pháp luật của Ronald Dworkin, Lý thuyết pháp luật của chủ nghĩa hiện thực Mỹ, Lý thuyết pháp luật của chủ nghĩa Marx và chủ nghĩa Marx hiện đại và các lý thuyết khác.

**Tài liệu tham khảo:**

1. Nguyễn Minh Tuấn và Nguyễn Văn Quân (2020), *Các lý thuyết pháp luật đương đại trên thế giới*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.
2. Sean Coyle and George Pavlakos (2005), *Jurisprudence or Legal Science? A Debate about the Nature of Legal Theory*, NXB Oxford and Portland, Oregon.

#### **6.4. Những vấn đề pháp lý nền tảng của luật tự**

**Số tín chỉ:** 04

**Môn học tiên quyết:** Không

**Tóm tắt:** Môn học đề cập đến các vấn đề pháp lý nền tảng của luật tự gồm: Sự phân chia luật tự và luật công, Nguồn của luật tự, Pháp điển hóa luật tự, Phân biệt các ngành luật trong luật tự, Đối tượng và phương pháp điều chỉnh của luật tự, Các nguyên tắc cơ bản của luật tự, Quyền nhân thân, Vật quyền, Trái quyền, Bảo vệ các quyền lợi tự, Trách nhiệm dân sự và các chế tài khác của luật tự.

**Tài liệu tham khảo:**

1. Ngô Huy Cương (2023), *Luật tự trước thách thức của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
2. Marc Loth (2022), *Private law in context: Enriching legal doctrine*, Edward Elgar Publishing.
3. Development Trends of Vietnam's Civil Law (D.H. Hoa)
4. Sức sống của bộ luật dân sự Việt Nam (Đ.G. Nam)
5. Luật nghĩa vụ Việt Nam: Bình luận án (Đ.V. Đại)

#### **6.5. Những nguyên lý hiến pháp và nhà nước pháp quyền**

**Số tín chỉ:** 04

**Môn học tiên quyết:** Không

**Tóm tắt:** Môn học đề cập đến các nguyên lý nền tảng, các yếu tố cấu thành và một số vấn đề có thể coi là những yêu cầu chung của mọi nền pháp quyền và chủ nghĩa hợp hiến, cụ thể như pháp luật, hiến pháp, dân chủ, quyền con người - quyền công dân, phân quyền và kiểm soát quyền lực nhà nước, tự pháp độc lập, tự do báo chí, xã hội dân sự.

**Tài liệu tham khảo:**

1. Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội (2012), *Về Pháp quyền và Chủ nghĩa hợp hiến (Một số tiểu luận của các học giả nước ngoài)*. NXB Lao động Xã hội.
2. Tom Bingham (2023), *The rule of law*, NXB Tri Thức.

## 6.6. Chuyên đề Tư pháp hình sự

**Số tín chỉ:** 04

**Môn học tiên quyết:** Không

**Tóm tắt:** Môn học đề cập đến các vấn đề pháp lý nền tảng của tư pháp hình sự bao gồm tội phạm, định tội danh và quyết định hình phạt, trách nhiệm hình sự và hình phạt, tố tụng hình sự, quyền con người trong tư pháp hình sự, tội phạm học và phòng ngừa tội phạm.

**Tài liệu tham khảo:**

1. Presumption of Innocence (Melbourne Law School)
2. Trách nhiệm hình sự và hình phạt (T.T. Việt)
3. Quyền con người trong tư pháp hình sự (N.N. Chí)

## 6.7. Chuyên đề Tài phán hành chính

**Số tín chỉ:** 04

**Môn học tiên quyết:** Không

**Tóm tắt:** Môn học này gồm các khái niệm quan điểm khoa học về tài phán hành chính, cơ quan tài phán hành chính, những đối tượng khiếu kiện và thẩm quyền xét xử khiếu kiện hành chính, phân tích thực trạng của tài phán hành chính có những điểm tích cực và những hạn chế trong công việc tổ chức và hoạt động.

**Tài liệu tham khảo:**

1. State administrative agencies in Vietnam (Kutafin University)
2. Tài phán hành chính trong NNPQ (N.N. Phát & N.T.V. Hương)
3. Kiểm soát đối với quyền lực hành pháp ở VN (B.H. Tùng)

## 6.8. Chuyên đề Môi trường pháp lý kinh doanh

**Số tín chỉ:** 04

**Môn học tiên quyết:** Không

**Tóm tắt:** Môn học này gồm các vấn đề pháp lý cơ bản về thương nhân, hoạt động thương mại, giải thể, phá sản, luật cạnh tranh, và tranh chấp trong kinh doanh.

**Tài liệu tham khảo:**

1. Keenan & Riches' Business Law (Sarah Riches & Vida Allen)
2. Chuyên khảo Luật kinh tế (N.T. Dung)
3. Pháp luật đại cương, chương VIII Luật đất đai (P.D. Nghĩa)

## 6.9. Chuyên đề Pháp luật hợp đồng

**Số tín chỉ:** 04

**Môn học tiên quyết:** Không

**Tóm tắt:** Truyền thống coi luật hợp đồng là một nhánh của luật nghĩa vụ ở các nước Âu châu lục địa cũng đã được du nhập vào Việt Nam theo vó ngựa xâm lăng của người Pháp và ảnh hưởng cho đến tận ngày nay. Vì lẽ ấy, nếu các quy tắc về luật hợp đồng không đủ rõ ràng cho một tình huống cụ thể, người ta sẽ tham chiếu đến các quy định về nghĩa vụ dân sự từ điều 280 đến điều 387 Bộ luật dân sự [2015], với tính cách là những quy tắc chung nhất đối với hợp đồng và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng. Với tên gọi là Luật hợp đồng, với tính cách là một môn khoa học về luật hợp đồng, trong khuôn khổ môn học này, người dạy chọn cách tiếp cận rộng hơn những gì đang thống trị trong luật thực định Việt Nam về hợp đồng. Nghĩa là, nội dung được giới thiệu trong khóa học này, luật hợp đồng không chỉ được tiếp cận như một nhánh của luật nghĩa vụ. Rộng hơn thế, các quan niệm, giải pháp, và triết lý về luật hợp đồng của hệ thống Common law cũng được đề cập và giới thiệu, trong sự so sánh với sự lựa chọn trong luật thực định Việt Nam.

**Tài liệu tham khảo:**

1. Luật hợp đồng phần chung (Ngô Huy Cương)
2. Contract law in a comparative per. (Suharnoko & N.T.H. Phuong)
3. Luật Bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng (Đỗ Văn Đại)

## 6.10. Kinh tế học pháp luật (\*)

**Số tín chỉ:** 04

**Môn học tiên quyết:** Không

**Tóm tắt:** Kinh tế học pháp luật hay còn gọi là Kinh tế luật (Law and Economics) được định hình như một trường phái lý luận pháp luật từ khoảng giữa thế kỷ 20. Tại thời điểm đó, trường phái này được coi là hướng nghiên cứu pháp luật mới theo đó, các nhà nghiên cứu dùng tri thức, phương pháp của khoa học kinh tế để phân tích quá trình hình thành, phát triển của pháp luật và thiết chế pháp luật; đánh giá, lượng hóa tương tác giữa pháp luật với xã hội. Trường phái này gắn bó với nhiều nhà kinh tế có tên tuổi đã dành nhiều thời gian cho hoạt động nghiên cứu các vấn đề pháp lý trong đó phải kể đến Ronald Coase (người đã được giải thưởng Nobel về kinh tế học năm 1991) và Gary S. Becker (người đạt giải thưởng Nobel về kinh tế học năm 1992).

**Tài liệu tham khảo:**

1. Dương Thị Thanh Mai và Nguyễn Văn Cương (2012), Về trường phái kinh tế học pháp luật, NXB Chính trị quốc gia, tháng 7/2012.
2. Lê Nét (2005), Đầu trí và Luật, NXB Đại học Quốc gia TP.HCM.
3. Lê Nét (2006), Kinh tế luật, NXB Tri thức.

## **6.11. Luật tố tụng dân sự so sánh (\*)**

**Số tín chỉ:** 04

**Môn học tiên quyết:** Không

**Tóm tắt:** Môn học này gồm 07 chương, dựa trên sự đúc kết công trình nghiên cứu trước đó của các tác giả khác cũng như chính nhóm tác giả và quy định trong văn bản pháp luật tố tụng dân sự Việt Nam và các nước, trong đó đề cập đến những nội dung cơ bản như: Những nguyên tắc cơ bản của luật tố tụng dân sự, chủ thể của quan hệ pháp luật tố tụng dân sự, thẩm quyền của tòa án nhân dân, chứng minh và chứng cứ trong tố tụng dân sự, các biện pháp khẩn cấp tạm thời. Ngoài ra, còn có các chuyên đề như: Pháp luật tố tụng dân sự Việt Nam trong tiến trình hội nhập nhìn từ góc độ văn hoá, lịch sử và truyền thống dân tộc, Hoàn thiện pháp luật tố tụng dân sự Việt Nam trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế.

**Tài liệu tham khảo:**

1. FDVN (2023), Civil procedure codes of some countries in the world, Tài liệu lưu hành nội bộ, Khoa Luật và Quản lý nhà nước, Trường Đại học Thái Bình Dương.
2. Trần Anh Tuấn (2009), Pháp luật tố tụng dân sự Việt Nam trong tiến trình hội nhập quốc tế, trong sách “Pháp luật Việt Nam trong tiến trình hội nhập quốc tế và phát triển bền vững”, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội, 2009.

## **6.12. Quản trị tốt và phòng chống tham nhũng (\*)**

**Số tín chỉ:** 04

**Môn học tiên quyết:** Không

**Tóm tắt:** Quản trị tốt và phòng, chống tham nhũng được xem là hai vấn đề có mối quan hệ gắn kết hữu cơ. Ở phần Quản trị tốt, môn học tập trung luận giải một số vấn đề lý luận liên quan đến quản trị nhà nước hiện đại: thế nào là quản trị nhà nước, sự chuyển dịch từ mô hình cai trị sang quản trị nhà nước hiện đại, xu hướng quản trị và sự “thoái lui” của nhà nước; một số tác động của xu hướng chuyển đổi từ quản lý sang quản trị tới nhà nước và pháp luật; những yêu cầu của quản trị nhà nước hiện đại; những đặc trưng cơ bản của quản trị tốt; các tiêu chí đánh giá và mối quan hệ giữa quản trị tốt và phòng, chống tham nhũng; vấn đề thúc đẩy quản trị tốt ở Việt Nam. Ở phần Phòng, chống tham nhũng, các môn học yêu cầu nghiên cứu khái niệm, bản chất, biểu hiện, đặc điểm, nguyên nhân và hậu quả của tham nhũng; một số lý thuyết và cách tiếp cận về phòng, chống tham nhũng và giá trị tham khảo cho Việt Nam; pháp luật quốc tế và pháp luật Việt Nam về phòng, chống tham nhũng.

**Tài liệu tham khảo:**

1. Vũ Công Giao (2020), Quản trị tốt và phòng, chống tham nhũng, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự Thật.
2. Đặng Minh Tuấn và các cộng sự (2017), Quản trị tốt: Lý luận và thực tiễn, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự Thật.
3. Nguyễn Hoàng Anh và các cộng sự (2018), Các Lý Thuyết, Mô Hình, Cách Tiếp Cận Về Quản Trị Nhà Nước Và Phòng, Chống Tham Nhũng, Nhà xuất bản Hồng Đức.

### 6.13. Luận văn thạc sĩ

**Số tín chỉ:** 15

**Môn học trước:** Các môn cơ sở ngành

**Môn học tiên quyết:** Phương pháp nghiên cứu luật học và giảng dạy pháp luật

**Tóm tắt:** Học viên theo học chương trình định hướng nghiên cứu phải thực hiện một đề tài nghiên cứu có khối lượng 15 tín chỉ, kết quả được thể hiện bằng luận văn. Học viên thực hiện luận văn trong thời gian ít nhất 06 tháng. Luận văn là một báo cáo khoa học, tổng hợp các kết quả nghiên cứu chính của học viên, đáp ứng các yêu cầu sau: (1) Có đóng góp về lý luận, học thuật hoặc phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo; thể hiện năng lực nghiên cứu của học viên; (2) Phù hợp với các chuẩn mực về văn hóa, đạo đức và thuần phong mỹ tục của người Việt Nam; (3) Tuân thủ quy định của cơ sở đào tạo về liêm chính học thuật và các quy định hiện hành của pháp luật về sở hữu trí tuệ.

**Tài liệu tham khảo:**

1. Legal Research Methods (Teaching Material, Khushal Vibhute)
2. Phương pháp nghiên cứu luật học (P.D. Nghĩa, ĐH Fulbright)
3. Phương pháp, QT và KTNC cơ bản trong KHPL (Đ.M Khôi)
4. Đề hoàn thành tốt luận văn ngành luật (P.T. Hiền)

### 6.14. Thực tập tốt nghiệp

**Số tín chỉ:** 15

**Môn học trước:** Các môn cơ sở ngành

**Môn học tiên quyết:** Không có

**Tóm tắt:** Bên cạnh các tín chỉ thực hành, thực tập được bố trí trong đa số môn học áp dụng cả hai định hướng nghiên cứu và ứng dụng thì riêng đối với định hướng dụng, việc thực tập còn được chú trọng hơn với một môn học độc lập 06 tín chỉ. Việc thực tập có thể được tổ chức thành các chuyến “field trip” (thường là trong ngày), hoặc tổ chức chung thành chuyến “study tour” (thường là dài ngày), gọi chung là “chuyến thực tế”. Trong chuyến thực tế có thể có nhiều hoạt động, trong đó 02 hoạt động cốt lõi nhất là “kiến tập” và “hội thảo”.

**Tài liệu tham khảo:**

1. Trương Nhật Quang (2022), Kỹ năng hành nghề luật sư tư vấn: Chia sẻ kinh nghiệm hành nghề thực tế tại Việt Nam, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự Thật.
2. Trần Thị Quang Hồng (2022), Kỹ năng viết cho người hành nghề luật, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự Thật.

### 6.15. Đề án tốt nghiệp

**Số tín chỉ:** 15

**Môn học trước:** Các môn cơ sở ngành

**Môn học tiên quyết:** Phương pháp nghiên cứu luật học và giảng dạy pháp luật

**Tóm tắt:** Học viên theo học chương trình định hướng ứng dụng phải thực hiện một học phần tốt nghiệp 9 tín chỉ dưới hình thức đề án. Học viên thực hiện đề án trong thời gian ít nhất 03 tháng. Đề án được tổ chức đánh giá bằng hình thức bảo vệ trước hội đồng. Buổi bảo vệ được tổ chức công khai trừ những đề tài thuộc các lĩnh vực cần bảo mật thực hiện theo quy định của Nhà nước. Báo cáo đề án là một bản thuyết minh quá trình xây dựng, triển khai và kết quả triển khai đề án, đáp ứng các yêu cầu sau: (1) Đề xuất và kiểm nghiệm được mô hình, giải pháp mới để giải quyết hiệu quả những thách thức trong thực tiễn; thể hiện năng lực ứng dụng khoa học, công nghệ và giải quyết vấn đề của học viên; (2) Phù hợp với các chuẩn mực về văn hóa, đạo đức và thuần phong mỹ tục của người Việt Nam; (3) Tuân thủ quy định của cơ sở đào tạo về liên chính học thuật và các quy định hiện hành của pháp luật về sở hữu trí tuệ.

**Tài liệu tham khảo:**

1. Legal Research Methods (Teaching Material, Khushal Vibhute)
2. Phương pháp nghiên cứu luật học (P.D. Nghĩa, ĐH Fulbright)
3. Phương pháp, QT và KTNC cơ bản trong KHPL (Đ.M Khôi)
4. Đề hoàn thành tốt luận văn ngành luật (P.T. Hiền)

## **PHẦN 7. LỊCH SỬ XÂY DỰNG VÀ ĐIỀU CHỈNH CHƯƠNG TRÌNH**

- Phiên bản xây dựng lần 1: **17/07/2023**
- Phiên bản xây dựng lần 8: **21/09/2023** (trình Hội đồng thẩm định CTĐT)
- Phiên bản chỉnh sửa lần 9: **07/10/2023** (chỉnh sửa sau thẩm định CTĐT)
- Phiên bản đính kèm Quyết định mở ngành: **01/11/2023** (Quyết định 363/QĐ-ĐHTBD)
- Phiên bản điều chỉnh lần thứ 1: **22/07/2025** (trình họp Hội đồng KH-ĐT ngày 22/07/2025, những nội dung bổ sung được in nghiêng, chủ yếu nằm ở trang 14 và 15).

**KHOA QUẢN LÝ NGÀNH  
KHOA LUẬT & QLNN**

*(Đã ký)*

**TS. Lê Anh Vân**

**HIỆU TRƯỞNG**

*(Đã ký)*

**GS.TS. Đào Văn Đông**